

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRAO ĐỔI VỀ TANG LỄ CỦA NGƯỜI VIỆT HIỆN NAY

Tóm tắt: Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra nhiều cuộc vận động và có cả những chỉ thị để người dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Tinh thần ấy cũng được các cấp, các ngành và các địa phương thực hiện qua việc xây dựng các quy chế, quy định, quy ước và hương ước nhưng kết quả thu được không nhiều. Có những “hủ tục” vẫn tồn tại và len lỏi trong cuộc sống, sẵn sàng bùng phát khi có cơ hội. Trong bài viết này, tác giả khảo cứu một số triết thuyết của các tôn giáo như Nho giáo, Phật giáo, Công giáo và các quan niệm, kiến thức trong các lĩnh vực y thuật, phong thủy, tử vi... để làm sáng rõ hơn quan niệm và ý nghĩa một số nghi thức tang lễ của người Việt, tránh những quan niệm sai lệch, những bày đặt mê tín trong việc tang ma hiện nay.

Từ khóa: nghi thức tang lễ, người Việt, hiếu đạo, long huyệt, cải táng.

Hiện nay, việc lo hậu sự cho người chết có xu hướng phục hồi nhiều hủ tục khá tồn kém trong việc ăn uống⁽¹⁾, kèn trống⁽²⁾, cúng tế, bày đặt thêm nhiều yếu tố mê tín như xem ngày giờ, yểm bùa, đốt vàng mã, rải tiền thật trên đường đưa tang, xuất hiện nạn chiếm đất nghĩa trang của làng xã xây lăng mộ đồ sộ, tùy tiện. Nghề “ăn theo” - “xây nhà cho người chết”, “công viên vĩnh hằng” - trở thành một nghề giúp nhiều người giàu lên nhanh chóng vì phong trào tìm mua đất để cải táng ở những vùng được coi là “long huyệt” làm xôn xao dư luận thời gian qua. Diện tích đất dành cho nghĩa địa trên cả nước không ngừng tăng lên, lấn sang cả diện tích đất canh tác⁽³⁾.

Năm 1998, Bộ Chính trị đã ban hành *Chỉ thị 27-CT/TW* (ngày 12/01/1998) về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Tiếp theo sau *Chỉ thị 27-CT/TW* là *Chỉ thị 14/1998/CT-TTg* (ngày 28/03/1998) của Thủ tướng Chính phủ và một loạt quy chế, quy định, quy ước, hương ước của các cấp, các ngành, các địa phương, rồi nhiều cuộc hội nghị, hội thảo của các đơn vị, các ngành được tổ chức để tìm giải pháp cho “cuộc chiến” chống lại các hủ tục. Song, cho đến nay, “cuộc chiến” đó dường như không thu được kết quả, thậm chí nhiều hủ tục vẫn tồn tại và len lỏi vào trong cuộc sống, sẵn sàng bùng lên thành “phong trào”.

Trước hết, với người Việt Nam, việc lo hậu sự cho người chết được gọi là “việc hiếu”, vì đó là công việc cuối cùng lo cho cha mẹ thể hiện sự trọn vẹn đạo hiếu của người con. “Hiếu đạo” ở đây được hiểu như một “con đường” để người Việt hình thành nhân cách và thành thánh hiền, nên chữ “đạo” không hiểu như một tôn giáo. Do vậy, khi cha mẹ

*. PGS.TS., Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

chết, không phải cứ mô to mà đẹp, mâm cao cỗ đầy mới thể hiện đạo hiếu, mới được “người âm” phù hộ, bằng không sẽ bị quở phạt, bị “hành” dẫn đến làm ăn thất bát, tai ách, tật bệnh. Người đối xử với cha mẹ khi còn sống không ra gì, khi chết bày đặt mâm cao cỗ đầy, xây cất mồ mả chỉ vì lo cho vận mệnh, số phận tương lai của chính mình và để che mắt thế gian, thì đó không phải là hiếu, mà là bất hiếu, bất nhân, “lúc sống thì chẳng cho ăn, đến khi chết xuống làm vãn tế ruồi”.

Triết thuyết các tôn giáo cũng đề cập nhiều đến các nghi thức tang ma, coi đó là chuẩn mực của lòng hiếu đễ. Trong chương *Tế thống* của *Kinh Lễ*, Khổng Tử dạy: Khi cha mẹ chết, con cái phải lo tang ma tế lễ, nhưng chỉ nên giản tiện, không bày vẽ, điều quan trọng nhất là tấm lòng thành kính, không phải do lễ vật cúng tế mà thành⁽⁴⁾.

Với Nho giáo, “Hiếu đễ” có vai trò rất quan trọng, thậm chí *Hiếu Kinh* đòi Hán được liệt vào hàng thứ bảy sau các kinh sách *Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Nhạc*, *Dịch* và *Xuân Thu*. Song, theo Khổng Tử, “Hiếu” là “tận tâm kính dưỡng phụ mẫu” cả tinh thần và vật chất, giúp đỡ cha mẹ khi còn sống; cung kính, yêu mến, biết nghe lời và tiếp nối ý chí, sự nghiệp của cha mẹ.

Phật giáo dạy, “Hiếu” là hạnh đứng đầu muôn hạnh. “Hiếu đạo” là hiếu kính, hiếu dưỡng, hiếu thuận. *Kinh Tâm Địa Quán* chỉ rõ: Trong thế gian cái gì quý nhất, cái gì nghèo nhất? Cha mẹ còn sống gọi là quý nhất, cha mẹ mất đi là nghèo nhất. Lúc cha mẹ còn sống là trắng sáng, khi cha mẹ mất đi là đêm tối. Vì thế, phải siêng năng nỗ lực hiếu dưỡng cha mẹ⁽⁵⁾. Phục dưỡng cha mẹ là “Hiếu”, lập thân hành đạo để làm vinh hiển cha mẹ cũng là “Hiếu”. Trong *Kinh Nhãn Nhục*, Đức Phật dạy: Thiện cùng cực không gì hơn hiếu, ác cùng cực không gì hơn bất hiếu. Trong *Kinh Tứ Thập Nhị Chương*, Đức Phật dạy: Thờ trời đất quỷ thần không bằng có hiếu với cha mẹ. Cha mẹ là vị thần minh cao nhất trong các thần minh. Như vậy, việc hiếu thảo với cha mẹ được đánh giá ngang hàng với việc thờ kính Phật. *Kinh Đại Tập* có chép lời Đức Phật: Gặp thờ không có Phật thì hãy phụng thờ cha mẹ. Phụng thờ cha mẹ cũng như phụng thờ Phật. Trong bốn trọng ân/ơn mà Phật giáo nhắc đến, thì ơn cha mẹ là ơn đứng đầu, sau mới đến ơn Tam Bảo (Phật - Pháp - Tăng).

Công giáo thời kì đầu vào Việt Nam đã gây những hiểu lầm không tốt về “Hiếu đạo” vì giáo lí của tôn giáo này còn lẩn tránh việc “thờ kính tổ tiên” và “thờ phụng Thiên Chúa” để rồi buộc tín đồ phải khước từ việc thờ cúng tổ tiên. Song, trong *Kinh Thánh (Cựu Ước* cũng như *Tân Ước)* có nhiều câu, nhiều đoạn văn, nhiều châm ngôn khuyến khích lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ. Theo đó, hiếu kính với cha mẹ cũng chính là điều kiện để được cứu độ: “Ai thờ cha thì bù đắp lỗi lầm, ai kính mẹ thì tích trữ kho báu” (Hc 3, 3-4)⁽⁶⁾; “Người hãy thờ cha kính mẹ để được sống lâu trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của người, ban cho người” (Xh 20, 12)⁽⁷⁾. “Hiếu đạo” nằm ngay trong Thập giới, luân lí căn bản của Công giáo. Thập giới được chia làm hai nhóm: ba giới đầu liên quan đến Thiên Chúa, bảy giới sau liên quan đến tha nhân, trong đó, giới thứ tư - *Thảo kính cha mẹ* là giới đứng đầu. Điều đó có nghĩa, thảo kính cha mẹ là giới luật quan trọng nhất trong các giới liên quan đến tha nhân. *Kinh Thánh* cũng dạy, nếu con người ta không biết hiếu

thảo với chính cha mẹ của mình - người yêu thương, hi sinh vì ta một cách hữu hình - thì làm sao người đó có thể tín kính thật sự với “Thiên Chúa” vô hình ở trên Trời - mà sự hi sinh của Ngài đối với ta lại phải chiêm nghiệm bằng đức tin mới thấy được. Trong *Kinh Thánh (Tân Ước)*, thư thứ nhất của Thánh Gioan có đoạn: “Nếu ai nói: “Tôi yêu mến Thiên Chúa mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối; vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy” (1Ga 4, 20)⁽⁸⁾.

Có thể nói, tôn giáo nào cũng đề cao “Hiếu đạo”, bởi vì đó chính là nền tảng của các giá trị nhân văn khác và khuyến răn thực thi đạo hiếu. Song, “Hiếu đạo” là một thứ tình cảm tự nhiên, bản năng của con người xuất phát từ lòng biết ơn đối với công lao sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Các thứ luận lý dạy về “Hiếu đạo” như trên, tuy rất sâu sắc nhưng cũng chỉ có tác dụng củng cố tình cảm và nâng cao nhận thức cho con người, để họ biết cách hành xử, thực thi và thể hiện lòng hiếu của mình mà thôi, chứ nó không tạo nên được lòng hiếu. Chính vì vậy, có người thất học, mù chữ lại có lòng hiếu thảo với cha mẹ. Trong đó, người có học vấn cao, đọc nhiều sách thánh hiền chưa chắc đã là người hiếu thảo. Nói như vậy không có nghĩa là tất cả các kinh sách dạy về “Hiếu đạo” không có tác dụng gì đối với đời sống nhân sinh, mà điều cốt yếu vẫn là ở chính con người.

Nói tóm lại, theo lí thuyết các tôn giáo, tình yêu đối với tha nhân, đặc biệt lòng hiếu thảo đối với cha mẹ mình khi còn sống chính là thước đo của tình yêu đối với Thiên Chúa, với Trời, Phật, thánh thần. Người càng yêu mến Thiên Chúa, thánh thần bao nhiêu thì tình yêu ấy càng cần phải được chứng tỏ qua lòng hiếu thảo đối với cha mẹ mình khi còn sống và qua sự hi sinh cho tha nhân. Nói cách khác, bất hiếu với cha mẹ mình khi còn sống thì “thờ cúng”, “tâm linh” là vô ích.

Thứ hai, theo tập quán của người Việt (chủ yếu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ), người chết thường được địa táng (còn gọi là hung táng), sau ba đến năm năm, gia đình sẽ thực hiện lễ bốc mộ (còn gọi là cải táng/cải cát/sang mộ) cho người chết. Phong tục tồn tại lâu đời này đến nay vẫn được duy trì. Nhiều năm trước đây, Nhà nước đã vận động người dân thực hiện hỏa táng/điện táng người chết để đảm bảo vệ sinh môi trường, tiết kiệm quỹ đất. Nhưng số gia đình tham gia hỏa táng vẫn rất hạn chế. Đa phần người dân vẫn thực hiện địa táng rồi cải cát, vì tin rằng, hỏa táng là mất cốt, vong linh bị phiêu bạt, con cháu vì đó mà làm ăn thất bát, lụi bại, hài cốt có ẩm cứng, yên lành thì con cháu mới có hi vọng làm ăn phát đạt. Nhiều gia đình gặp chuyện không may mắn thường nghĩ ngay đến việc động mồ, động mả, hài cốt không yên. Ngược lại, nhiều người thành công trong cuộc đời và sự nghiệp thì cho đó là nhờ mồ mả, âm phần nhà họ tốt. Như vậy, mọi công việc cuối cùng lo cho người chết từ chỗ mang ý nghĩa trọn vẹn đạo hiếu, thành kính với cha mẹ trở thành vấn đề liên quan đến vận mệnh may rủi và số phận tương lai của người sống. Chính vì vậy, mấy năm trở lại đây, nảy sinh việc tìm đất xây lăng mộ đồ sộ, hoành tráng, đơm đặt nhiều yếu tố mê tín, gây hoang mang, lo lắng cho người sống.

Xưa kia, tục lệ cải táng cho người chết có nhà theo, có nhà không theo. Nhiều gia đình (xưa và nay) vì có điều kiện sắm sửa áo quan bằng gỗ tốt, nên không cải táng. Đặc biệt, các tầng lớp vua chúa, quan lại giàu có và những người có thế lực trong xã hội hiểu được “Mệnh Trời”, hiểu được “người”, khi chết thường không thực hiện nghi thức cải cát mà chôn chặt một lần. Thậm chí, vua chúa, quan lại xưa kia còn giữ bí mật nơi chôn cất của mình, tránh những kẻ tồ mò, hám của khai quật mồ mả. Nghi thức tang ma đó xuất phát từ quan niệm, phải giữ cho mồ yên mả đẹp để người chết yên giấc ngàn thu, hài cốt là linh thiêng nên không được khai quật, không được di dịch.

Như vậy, tục cải táng xưa không phải là một nghi thức mang tính bắt buộc và càng không có ý nghĩa quyết định hay chi phối số phận người sống. Tục lệ cải táng phần lớn chỉ được thực hiện trong tầng lớp dân nghèo. Do nhà nghèo, khi cha mẹ mất, không đủ tiền lo liệu, nên con cái phải mua tạm một cỗ áo quan bằng gỗ xấu, đợi sau ba đến năm năm thì cải táng vì sợ ván hỏng, sập nát sẽ hại đến di hài⁽⁹⁾.

Theo quan điểm của nhà Phật, con người bao gồm Thân và Tâm. Khi con người chết đi, hệ thần kinh ngừng hoạt động, thân - thức đã ra khỏi xác thân. Do vậy, việc hỏa táng hay địa táng đều không ảnh hưởng gì đến thân xác hay “linh hồn”⁽¹⁰⁾ của người chết, vì “Tứ đại” rồi cũng tiêu tan.

Trên thế giới có nhiều hình thức táng người chết: hỏa táng, địa táng, thủy táng, thiên táng, huyền táng⁽¹¹⁾, điều táng⁽¹²⁾, v.v... Các hình thức táng khác nhau này là do quy ước, quan niệm và tập tục của mỗi tộc người. Chẳng hạn, người Tạng ở Trung Quốc có tục “thiên táng”. Nếu chiếu theo quy chuẩn về hiểu đạo và tâm linh của người Việt thì hình thức táng này thật không ổn. Thiên táng của người Tạng là hình thức đem thi thể người quá cố cho chim kền kền ăn thịt. Người Tạng tin rằng, chim kền kền là một loại điều thần. Khi “thần” ăn xác người chết xong bay về trời, đó là lúc linh hồn người chết được lên Thiên Đàng. Người Tạng theo Phật giáo Mật tông tin rằng, việc táng người chết bằng cách đó chính là theo quan niệm “bồ thí” của Phật Tổ Như Lai: lấy thân xác mình nuôi thú dữ để thú dữ không hại các sinh linh khác trong thế giới. Bồ thí có nhiều cách, trong đó đem thân xác người chết bồ thí cho chim kền kền để chúng không hại các loài khác cũng là một cách bồ thí, cách bồ thí cao cả.

Hiện nay, trên thế giới, hỏa táng đang trở thành phương pháp phổ biến, nhất là ở các nước phát triển. Ở Canada, người chết sẽ được thiêu, sau đó tro cốt được gửi trong các nhà thờ hay nhà chùa. Nếu chôn cất người chết thì mộ không được xây thành nấm mà phải san bằng để trồng cỏ lên trên. Ở Hồng Kông, việc mua đất để chôn cất rất đắt đỏ, cho nên hầu hết người chết được hỏa táng. Người ta gửi những bình tro cốt vào nghĩa trang, nhà chùa hoặc nhà thờ. Mỗi bình tro được khắc ghi tên tuổi như một tấm bia. Ở Mỹ, vào những năm 1970, cứ mười người chết mới có một người thiêu, nhưng hiện nay, cứ bốn người chết có một người thiêu. Người ta dự đoán, vào năm 2025, ở quốc gia này, số người chết muốn thiêu sẽ lên đến 50%. Tại Nhật Bản, hơn nửa khu vực của quốc gia này cấm chôn người

chết xuống đất. Nếu người chết là tín đồ Islam giáo, hoặc vì những lí do tôn giáo đặc biệt, thì mới được địa táng ở một khu vực đã được cho phép.

Thứ ba, việc tìm chọn long huyết (long mạch/huyết mộ/thế đất); phong thủy (hướng đất, hướng mộ), việc xây cất mồ mã hoành tráng, việc đốt vàng mã⁽¹³⁾ (xe hơi, nhà lầu, hình nhân,...) một cách thái quá đều là mê tín.

Người xưa đã quan sát, chiêm nghiệm và hệ thống hóa lại một số quan niệm, kiến thức và thực hành nó trên các lĩnh vực như y thuật, phong thủy, tử vi,... Tuy nhiên, do hạn chế trong hiểu biết về con người và thế giới, nên trong các hệ thống đó vẫn chứa đựng nhiều quan niệm mâu thuẫn, sai lầm. Do vậy, con người ngày nay gìn giữ và ứng dụng những kinh nghiệm quý báu của cổ nhân vào cuộc sống cần loại bỏ các yếu tố sai lầm, những quan niệm mê tín, chẳng hạn quan niệm địa linh nhân kiệt. Người xưa cho rằng, do khí thiêng sông núi hay mạch đất mà một số địa phương có thể sinh nhiều anh hùng hào kiệt. Ngày nay, nhiều người tin vào đó dẫn đến hành vi sai lệch trong việc trấn yểm long mạch và “mả táng hàm rồng”. Thờ cúng tổ tiên và cầu xin người âm “phù hộ” tại gia đình hay các cơ sở thờ tự truyền thống có thể được xem là một nét đẹp văn hóa của người Việt đáng được trân trọng và gìn giữ. Nhưng nếu con người ngày nay viện vào đó để đem đặt chuyện người âm có thể “phù hộ” cho con cháu thoát nạn tù tội, tai ương, họa khổ, hoặc ngược lại, nếu bị người âm thù oán, sân hận thì có thể bị đau ốm, bệnh tật, tai ách... dẫn đến đua nhau lễ bái, cúng tế, đốt vàng mã, xây cất mồ mã, tìm kiếm long huyết,... là bày đặt mê tín.

Theo chính các nhà phong thủy, lí thuyết về “Long huyết” rất khó áp dụng được một cách đủ đầy, chi tiết cho tất cả mọi gia đình, vì “Cát địa âm trạch” không phải ai tìm cũng được, mà còn do “cơ duyên”, thậm chí có tìm được thì việc “Phát” của con cháu còn do gặp “Thời” và tùy “Nhân”. Các dòng họ vua chúa và quan lại xưa kia dư thừa khả năng tìm nơi đắc địa để đặt mồ mã, yểm trấn huyết đế vương, nhưng không có dòng họ nào trường tồn vinh hoa phú quý vĩnh viễn⁽¹⁴⁾. Do đó, việc đi tìm long huyết là yếu tố “tâm lí” để cháu con yên tâm làm ăn, điều cốt tử là nhân tố con người: “Tâm thành tất linh ứng”, “Tiên tích Đức, hậu tầm Long”, “Đức năng thắng Số”.

Theo quan điểm của nhà Phật, lành dữ, họa phúc của con người đều do “Nghiệp” mà ra. Nghiệp là do chính mình tạo ra bằng các hành động qua Thân, Khẩu, Ý hằng ngày, hằng giờ, hằng phút trong cuộc sống hiện tại và trở lại chi phối chính mình, chứ không chịu tác động chi phối hay thao túng của phong thủy. Hơn nữa, với cái nhìn Hư - Không của Phật giáo, thời - không vốn không có phương vị tuyệt đối. Ví như hai người A và B ngồi đối diện nhau, thì bên phải của A sẽ là bên trái của B, phía trước của A sẽ là phía sau của B, thời - không là vô biên, vì vậy phương vị ở ngay trong “Tâm” của mỗi người. Tức là, Phật giáo không cho rằng, phong thủy địa lí, ngày giờ tốt xấu liên quan đến điềm lành, điềm dữ của con người. Trong *Kinh Di giáo*, Đức Phật khuyên răn đệ tử rằng, xem tướng lành dữ, tính tử vi, suy luận hão huyền, xem bói tính số, xem ngày giờ tốt xấu là những

việc không nên làm. Nếu các Phật tử lấy điều này để duy trì sự sống, cầu miếng cơm, manh áo là rơi vào những điều cấm của Phật giáo, vì đó không phải là “Chính nghiệp” và “Chính mệnh”⁽¹⁵⁾.

Theo thuyết nhân quả của Phật mà suy thì nhân nào quả ấy, sự giàu sang phú quý hay nghèo hèn, làm quan hay làm dân đều do nhân quả. Nếu không gieo “nhân” làm vua, làm quan thì không bao giờ gặt “quả” làm vua, làm quan được; nếu không gieo “nhân” giàu có thì không bao giờ giàu có được, chứ không phải đi tìm huyết đế vương mà chôn cất cha mẹ là con cháu được làm đế vương, không phải đi tìm huyết giàu sang là con cháu sẽ giàu sang. Phật giáo luôn giáo hóa tín đồ và chúng sinh rằng, làm các việc phúc đức như xây chùa, đúc chuông, tạo tượng hay cúng dường Tam Bảo sẽ tạo ra phúc lớn cho người phát tâm trong hiện tại và tương lai. Song, cứu người thoát khỏi hoạn nạn, giúp người được an lạc, hạnh phúc còn là việc làm phúc lớn hơn rất nhiều cúng dường Tam Bảo, nên mới có câu: “Dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người”.

Như vậy, chính chúng ta chứ không phải thánh thần, ma quỷ, hay “người âm” quyết định số phận, đời sống của chúng ta. Mong cầu cuộc sống bình an, tránh buồn phiền là ước vọng chính đáng của con người. Nhưng khi sở cầu bất đắc, khi gặp rủi ro, tai ương, hoạn nạn, thái độ của con người thường mờ mịt suy đoán chủ quan, dễ đi đến mê lầm. Trong lễ tang, người sống đang rất đau buồn vì mất người thân, về tâm lí, chẳng ai muốn bày đặt thêm nhiều hủ tục tốn kém. Song do quá lo lắng việc hậu sự cho người chết liên quan đến vận mệnh tương lai của mình, của con cháu mình, lại vì nghe theo “thầy”, vì lệ làng, vì “nợ miệng”, vì “con gà tức nhau tiếng gáy”, họ buộc phải thực hiện những nghi lễ rườm rà theo tục lệ, những nghi lễ có tính chất ma thuật, mê tín nhằm bảo đảm cho mình được nhiều ảnh hưởng tốt, tránh và ngăn ngừa những ảnh hưởng xấu.

Để đẩy lùi những hủ tục trong tang lễ và xóa đi sự lo âu cho người sống, chúng ta cần phải khai mở trí tuệ, giúp người dân nhận thức đúng bản chất của vấn đề, rằng tang lễ là những nghi thức mang ý nghĩa trọn vẹn đạo hiếu, kính trọng cha mẹ, không nên câu nệ quá vào hình thức, bày đặt nhiều thủ tục rườm rà tốn kém và tin vào sự may rủi, số phận tương lai của người sống là phụ thuộc vào âm phần, mồ mả. Đồng thời, Nhà nước phải quy định rõ ràng về các nghi lễ tang ma, về việc xây dựng mồ mả, quy hoạch nghĩa trang và kiên quyết xử lí nghiêm những sai phạm để nghi lễ tang ma đi vào nề nếp, lâu dần thành quen, người dân sẽ thực hiện theo. Ở Việt Nam hiện nay, người chết nên được hỏa táng, tro cốt có thể để thờ tại nghĩa trang hay chùa làng là phù hợp với điều kiện về kinh tế, đất đai, dân số⁽¹⁶⁾, vệ sinh môi trường. Hỏa táng sẽ giảm bớt và giải quyết được nhiều vấn đề liên quan đến người chết như xây mộ, bảo quản mộ, cải táng,... và quỹ đất cho người sống.

Biết rằng, thay đổi tập tục là rất khó khăn, vì thế các bậc đế vương xưa kia sửa đổi luật pháp mà không thay đổi tập tục, sắp đặt việc chính trị mà không thay đổi cái gì vốn đã thích nghi cuộc sống. Chính vì vậy, các hủ tục tồn tại, lan rộng mãi, đến lúc nào đó sẽ ảnh hưởng xấu đến đời sống dân sinh, xã hội. Hiện nay, tang lễ của người Việt phát sinh nhiều

hủ tục, quá nặng về yếu tố tâm linh, gây hoang mang, lo lắng cho người sống. Thế nhưng, các cơ quan có thẩm quyền chưa có biện pháp mạnh để loại bỏ các hủ tục, nên hủ tục càng có đà lan rộng vì nó chưa gặp trở ngại nào từ phía luật pháp.

Cuộc sống không chỉ có khoa học và lí trí, mà còn cần cả tình cảm và tâm linh, nhưng không vì thế mà để tâm linh ảnh hưởng và chi phối đến cuộc sống nhân sinh. Không thể phủ nhận khoa học đã đóng góp cho sự phát triển của nền văn minh nhân loại trong một trăm năm nhiều hơn là sự đóng góp của tôn giáo trong hàng vạn năm nó tồn tại. Tôn giáo nào cũng thật sự mong muốn bỏ cái “Ác”, thế mà trên cõi đời này vẫn tồn tại cái “Ác”. Chiến tranh, bạo lực, bất công, nghèo đói, đau khổ một khi vẫn ngày càng gia tăng thì tâm linh, tôn giáo có lẽ là huyền hoặc, xa vời./.

CHÚ THÍCH

1. Nhiều gia đình làm cỗ đám ma hàng trăm mâm ngày đưa tang, cúng 3 ngày, 7 ngày, 49 ngày, 100 ngày.
2. Nhiều đám tang ở khu vực Nam Bộ còn dùng cả loa phóng thanh, thuê đàn ca tài tử, kèn tây, nhạc ta, nhạc lễ..., không phù hợp với tính chất đau buồn của đám tang.
3. Theo thống kê, hiện nay cả nước có tới 97.000 ha dành cho nghĩa trang. Trong đó, nhiều tỉnh thành có diện tích đất dành cho nghĩa trang quá lớn như Thừa Thiên - Huế, Hải Dương,... Theo thống kê năm 2008, trong số 506.527 ha diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh Thừa Thiên - Huế, thì có tới 8.209 ha diện tích đất nghĩa trang; còn nhiều xã ở Hải Dương có tới 8 nghĩa trang (Tứ Kỳ, Gia Lộc), bình quân diện tích một ngôi mộ trong toàn tỉnh là 10,75 m², gấp nhiều lần so với quy định của Nhà nước. Ở Huế, có ngôi mộ có diện tích 600 m².
4. Mặc dù, không ít nhà Nho đã đẩy tư tưởng Hiếu đễ, Lễ nghĩa lên một cách cực đoan, quy định khi cha mẹ chết, người con hiếu thảo phải đầu trần, áo xở gấu, chân đất, tóc xõa, gạo khóc, lăn đường, thậm chí phải nhịn ăn 3 ngày; 3 năm không được đi thi, v.v...
5. Xin xem: *Hiếu đạo trong Phật giáo*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2012:72.
6. *Kinh Thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998: 1282.
7. Sách đã dẫn: 144.
8. Sách đã dẫn: 2275.
9. Cách giải thích khác cho rằng, trong thời kì Bắc thuộc, nhiều người dân và thương lái Trung Quốc đã sang Việt Nam sinh sống. Khi chết, họ được chôn cất tại nước ta khoảng từ 2 đến 3 năm. Sau đó, gia đình họ muốn đưa hài cốt về quê, nên buộc phải bốc mả. Từ đó, tục bốc mả hình thành ở Việt Nam. Trải qua thời gian, tục lệ đó trở thành một phong tục của người Việt.
10. Linh hồn bất tử là ước nguyện tự nhiên của con người, vì đó là cách duy nhất để con người chiến thắng thời gian và nỗi sợ hãi trước cái chết của mình. Nhiều nền văn hoá tồn tại ước nguyện đó dưới các hình thức.
11. Là một trong những hình thức mai táng cổ xưa nhất ở Trung Quốc và một số quốc gia khác. “Huyền” có nghĩa là treo, tức là treo quan tài của người chết trên các vách núi dựng đứng. Theo quan niệm của người xưa, từ trên cao, người chết có thể ngắm nhìn trời xanh, sông núi, cách biệt với sự ồn ào của nhân gian. Vì vậy, huyền táng còn được gọi là “tiên hàm”, “tiên thất”, “tiên đài”.
12. Treo xác lên cây cho chim ăn.
13. Chính phủ đã ra Nghị định 31/2001-NĐCP, ngày 26/06/2001, quy định xử phạt hành chính nghiêm khắc đối với người sản xuất hàng mã trái phép và đốt hàng mã nơi công cộng. Đến nay, hơn 10 năm sau khi Nghị định này được ban hành, nhưng việc sản xuất và sử dụng đồ mã vẫn rất thịnh hành.
14. Tương truyền, thời nhà Đường (Đường Ý Tông, 873 - 881) ở Trung Quốc có viên tướng lừng danh tên là Cao Biền giỏi truy tìm long mạch và yểm trấn huyết đế vương. Cao Biền được các thầy địa lí nước ta tôn sùng là sư tổ phong thủy Việt Nam. Cao Biền sang cai trị nước ta từ năm 866 đến năm 875, tìm huyết đế vương để yểm trấn không cho An Nam xuất hiện đế vương. Nhưng nhà Đường dù có Cao Biền vẫn mất nước vào đầu thế kỉ X, Việt Nam vẫn xuất hiện các bậc anh tài như Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ, rồi đến Đinh Tiên Hoàng đánh thắng kẻ xâm lăng, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ cho nước nhà và lên ngôi Hoàng đế.

- ¹⁵. Đại sư Tinh Vân, “Phật giáo và thế tục” trong: *Phật học giáo khoa thư*, Nxb. Từ thư Thượng Hải: 83-86, do Tinh Vân Nguyễn Phước Tâm chuyển ngữ “Phật giáo và địa lí phong thủy”, *Văn hóa Phật giáo*, số 169, 2008: 30.
- ¹⁶. Đất không “đê” thêm ra được, dân số ngày càng tăng theo cấp số nhân, đất cho người chết cũng lại ngày một tăng. Nếu cứ để tình trạng xây dựng mồ mả theo ý thích cá nhân như hiện nay mà không có quy hoạch, có giải pháp rõ ràng từ bây giờ, thì trong thời gian tới quỹ đất nông nghiệp và lâm nghiệp sẽ bị mất dần, thậm chí quỹ đất ở cho người sống cũng bị xâm phạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại sư Tinh Vân (2008), “Phật giáo và thế tục” trong: *Phật học giáo khoa thư*, Nxb. Từ thư Thượng Hải.
2. *Hiếu đạo trong Phật giáo*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
3. *Kinh Thánh trọn bộ Cựu Ước và Tân Ước*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
4. Nghị định 31/2001-NĐCP, ngày 26/06/2001, quy định xử phạt hành chính nghiêm khắc đối với người sản xuất hàng mã trái phép và đốt hàng mã nơi công cộng.

Summary:

SOME EXCHANGEABLE MATTERS ON FUNERAL OF VIETNAMESE

Vietnamese Communist Party and the State have mobilized the masses and proposed many instructions so that people carry out civilized life style in marriage, funeral and festivals. All levels authority in have put forward regulations, conventions, rules, village conventions on these matters, but they have not achieved many good results. Many unsound customs have existed in life. They can rise when they have opportunity. In this article, the writer studies some philosophical theories of Confucianism, Buddhism, Catholicism and conceptions in other fields such medicine, geomancy, astrology to elucidate the conception and significance of some rites of funeral of Vietnamese so that we can avoid wrong conceptions and superstition in funeral.

Key words: rite of funeral, Vietnamese, filial piety, tomb of Dragon well, exhumation.